

## QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

### CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu được áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn Nhóm trẻ .....

- Quy chế chi tiêu nội bộ này được áp dụng cho tất cả các đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Nhóm trẻ .....

#### Điều 2: Mục tiêu

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng kinh phí tại các đơn vị.

- Tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động sử dụng kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện quyền tự chủ, đồng thời gắn với trách nhiệm của Chủ Nhóm trẻ ..... và CBGVNV trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

- Nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho CBGVNV của đơn vị.

#### Điều 3: Nguyên tắc

- Bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Không tăng kinh phí quản lý hành chính.

- Các nội dung, mức chi không được vượt quá chế độ quy định hiện hành do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Thực hiện công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của CBGVNV.

- Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, các đơn vị phải đảm bảo có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo đúng quy định kể cả các nội dung khoán bằng tiền.

#### Điều 4: Căn cứ xây dựng quy chế

- Hệ thống định mức, tiêu chuẩn, tiền lương, tiền thưởng, chế độ quản lý và sử dụng kinh phí quản lý hành chính hiện hành của nhà nước.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhóm trẻ .....

- Chức năng, nhiệm vụ được giao của tất cả các đơn vị trực thuộc trong Nhóm trẻ .....

## **CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH CỤ THỂ NGUỒN KINH PHÍ VÀ CÁC NỘI DUNG CHI**

### **Điều 5: Nguồn kinh phí**

Là các nguồn thu được quy định theo Quy chế tổ chức và hoạt động Nhóm trẻ .....

### **Điều 6: Các nội dung chi:**

- Tiền lương.
- Tiền công.
- Khen thưởng, phúc lợi tập thể
- Dịch vụ công cộng
- Vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ phục vụ giảng dạy, học tập và văn phòng...)
- Sửa chữa thường xuyên tài sản (trang thiết bị văn phòng, điều hoà nhiệt độ, nhà cửa...)
- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn; (sách, tài liệu, vật tư, hoá chất phục vụ nhiệm vụ chuyên môn, dịch tài liệu).
- Chi khác.

### **Điều 7: Tiền lương và các khoản phụ cấp**

- \* Tiền lương:
  - Tiền lương và tiền thưởng căn cứ theo quy định của lớp.
  - Tiền lương làm ngoài giờ: căn cứ quy định của Quy chế trả lương, thưởng và phụ cấp của lớp.
- \* Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định hiện hành của nhà nước và theo lương cơ bản.

### **Điều 8: Quy định về việc trang bị, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí điện thoại cố định, máy fax, internet.**

Chi phí sử dụng điện thoại, máy fax, internet nhằm mục đích giải quyết công vụ và phải thật sự có hiệu quả, tiết kiệm. Xem đây là một tiêu chuẩn bình xét thi đua trong năm.

### **Điều 9: Phí sử dụng Internet**

Thanh toán hàng tháng bằng hoá đơn thực tế, theo các hợp đồng Nhóm trẻ .....đã ký với các nhà cung cấp.

### **Điều 10: Điện thoại cố định**

Thanh toán theo hoá đơn thực tế.

## **Điều 11: Quản lý, sử dụng điện, nước máy**

### **\* Quản lý sử dụng điện**

Thực hành tiết kiệm điện nước, nhất là việc sử dụng máy điều hoà nhiệt độ.

Giảm chi phí điện năng cùng kỳ so với năm trước.

### **\* Quản lý sử dụng nước máy**

Các đơn vị khác trong toàn trường có trách nhiệm thực hành tiết kiệm nước sạch.

Giảm chi phí nước máy cùng kỳ so với năm trước

Thanh toán điện nước bằng chứng từ cụ thể hàng tháng.

## **Điều 12: Chi phí văn phòng phẩm**

Tiến tới khoản định mức cho các đơn vị.

Văn phòng phẩm phục vụ cho hội nghị, hội thảo kiểm tra, thi cử... lớp cung cấp trên cơ sở dự trù của đơn vị.

## **CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13: Hiệu lực thi hành**

Quy chế này được thực hiện đến toàn thể cán bộ GVNV trong Nhóm trẻ

.....

### **Điều 14: Sửa đổi, bổ sung quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này do chủ Nhóm trẻ .....xem xét quyết định./.

**CHỦ NHÓM LỚP**

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

### I. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục trẻ em từ 2 đến 6 tuổi phát triển hài hoà về 5 mặt giáo dục: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ chuẩn bị cho trẻ vào học ở bậc tiểu học.

#### 1. Phát triển thể chất

- Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động: vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khoẻ.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

#### 2. Phát triển nhận thức

- Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

#### 3. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

#### 4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Trẻ có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

### **5. Phát triển thẩm mỹ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.

## **II. NHỮNG MỤC TIÊU GIÁO DỤC RIÊNG BIỆT CỦA LỚP**

- Trẻ có ý thức tự lập, mạnh dạn, tự tin và chủ động ở mọi hoạt động.
- Trẻ tích cực tham gia giao tiếp với ngôn ngữ lưu loát, mạch lạc, thể hiện các cách ứng xử phù hợp với mọi hoàn cảnh.
- Có khả năng hoà nhập, thích ứng với các hoạt động tập thể.

## **III. TÀI LIỆU GIÁO DỤC MẦM NON**

- Có đủ tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhóm trẻ..... theo chủ đề cho từng độ tuổi.

*An Dương, ngày ... tháng .....năm 20.....*

**CHỦ NHÓM LỚP**

# DANH MỤC SỐ LƯỢNG PHÒNG HỌC THỰC TRẠNG CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA LỚP

## 1. Cơ sở vật chất

- Cơ sở tại Thôn ..... – Xã ..... - An Dương - Hải Phòng
- Lớp có tổng diện tích mặt bằng .....
  - Tổng diện tích sử dụng: .....
  - Số phòng..... Trong đó:
    - + Phòng 1: Lớp mẫu giáo + WC: .....
    - + Phòng 2: Lớp nhà trẻ + WC : .....
    - + Phòng 3: Nhà bếp : .....
  - + Hành lang và các lối đi.
  - Trang bị cơ sở vật chất
  - + Đồ dùng phục vụ nuôi dưỡng trẻ : Đủ cho ..... trẻ
  - + Đồ dùng phục vụ cho chăm sóc trẻ : Đủ cho ..... trẻ
  - + Đồ dùng phục vụ giáo dục trẻ : Đủ cho ..... trẻ

## 2. Danh mục tài sản

TT	Tên tài sản	Lớp NT	Lớp MG	Tổng số
1	Bảng biển dùng cho CSGDT			
2	Đồ dùng, đồ chơi theo chủ điểm			
3	Tranh ảnh theo chủ điểm			
4	Cầu trượt			
5	Bập bênh			
6	Ngựa nhựa			
7	Cá heo			
8	Bàn			
9	Ghế			
10	Dát giường ngủ cho trẻ			
11	Giá để đồ dùng cho trẻ			
12	Giá đồ chơi			
13	Tủ thuốc			
14	Hệ thống điện			
15	Bình xịt PCCC			

16	Tủ lạnh			
17	Nồi cơm điện			
18	Máy xay			
19	Quạt treo tường			
20	Ti vi			
21	Đầu đĩa			
22	Máy phát điện			
23	Bếp ga			
24	Chiếu			
25	Chăn			
26	Gối			
27	Thảm mùa đông			
28	Khăn cá nhân cho trẻ			
29	Giá phơi khăn			
30	Giá úp bát			
31	Giá úp cốc			
32	Bát Inox			
33	Thìa Inox			
34	Đĩa Inox			
35	Cốc Inox uống nước			
36	Khay chia thức ăn			
37	Nồi gang			
38	Nồi nhôm			
39	Chảo			
40	Ấm đun nước			
41	Bình đựng nước uống			
42	Hệ thống nước sạch dùng trong sinh hoạt và ăn uống			
43	Bàn chia thức ăn			
44	Bàn chế biến thức ăn			
45	Tủ đựng bát đĩa			
46	Đũa ăn			
47	Thớt chế biến thức ăn			
48	Dao các loại			
49	Rổ rá các loại			

50	Cây lau nhà			
51	Chổi quét nhà			
52	Thùng đựng rác			
53	Chậu rửa các loại			
54	Bô vệ sinh			
55	Xô các loại			
56	Máy hút bụi			
...	.....			



